TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2020.
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thúy Diễm và ông Y Bhiu Mlô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên toà: Ông Y Đum Kpă - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020 tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tống Thị Ngọc A, sinh năm 1994 – có mặt.

Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Số ….. B, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Trương Đoàn Minh T, sinh năm 1993 – có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Tống Thị Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Trương Đoàn Minh T tự nguyện yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/9/2015. Chị A và anh T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng ngày càng trái ngược nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ tháng 10/2019 cho đến nay, chị A và anh T đã sống ly thân. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị A không còn tình cảm yêu thương và không muốn chung sống với anh T nữa nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn anh Trương Đoàn Minh T.

Về con chung: Chị A và anh Trương Đoàn Minh T có 01 con chung là cháu Trương Minh L, sinh ngày 02/3/2015. Từ khi sinh cho đến tháng 9/2019, cháu L ở cùng với chị A, anh T và đi học tại Trường mầm non 28 phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 10/2019 đến nay anh T đưa cháu L về thôn …, xã E, huyện K sinh sống. Hiện nay, chị A đang làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đăng Quang P, địa chỉ số ….. X, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh với mức lương bình quân 7.200.000đồng/tháng. Sau ly hôn, chị A yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho chị A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Minh L đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Trương Đoàn Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Tống Thị Ngọc A tự nguyện yêu thương nhau và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/9/2015 như chị A trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, từ năm 2018 khi vợ chồng chuyển đến sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh thì chị A không quan tâm chăm lo cho cuộc sống gia đình và có mối quan hệ không lành mạnh với người đàn ông khác. Anh T đã nhắc nhở nhiều lần nhưng chị A không thay đổi, từ tháng 10/2019 cho đến nay, anh T và chị A đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các buổi hòa giải anh T không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh T đồng ý yêu cầu ly hôn của chị A, và đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con chung: Anh T và chị A có 01 con chung là cháu Trương Minh L, sinh ngày 02/3/2015. Từ tháng 10/2019 cho đến nay, cháu L ở cùng với anh T tại thôn …, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và đi học tại trường mầm non C. Trước đó, cháu L ở cùng với anh T, chị A và đi học ở thành phố Hồ Chí Minh như chị A trình bày. Nghề nghiệp hiện tại của anh T là sửa chữa máy vi tính tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk với thu nhập bình quân 5.000.000đồng/tháng, ngoài ra anh T có kinh doanh chung quán Internet Game online cùng với anh trai là Trương Đoàn Minh T1 tại xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Ly hôn anh T yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho anh T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Minh L đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ 24.288.000 đồng của cửa hàng vật liệu xây dựng Q, tại thôn T, xã Pơng Drang, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự. Tại phiên tòa HĐXX thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Đối với những người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tống Thị Ngọc A và anh Trương Đoàn Minh T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Trương Minh L, sinh ngày 02/3/2015 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Tại phiên tòa đã xác định được không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự nhận thấy rằng:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Tống Thị Ngọc A và anh Trương Đoàn Minh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/9/2015. Theo chị A trình bày vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng ngày càng trái ngược nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 10/2019 cho đến nay. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị A không còn tình cảm yêu thương và không muốn chung sống với anh T nữa, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không đồng ý ly hôn và mong muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh T đồng ý yêu cầu ly hôn của chị A, đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tống Thị Ngọc A và anh Trương Đoàn Minh T là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung:* Chị A, anh T có 01 con chung là cháu Trương Minh L, sinh ngày 02/3/2015. Từ khi sinh cho đến tháng 9/2019, cháu L ở cùng với chị A, anh T và đi học tại trường mầm non 28 phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Đến tháng 10/2019 anh T đưa cháu L về thôn …, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho đến nay và đi học tại trường mầm non C, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Ly hôn, chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trương Minh L và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về phía anh T không đồng ý yêu cầu nuôi con của chị A và yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh là người được trực tiếp nuôi con chung, anh T có đủ điều kiện để nuôi con vì nghề nghiệp hiện tại của anh T là sửa chữa máy vi tính với thu nhập bình quân 5.000.000đồng/tháng và kinh doanh quán Internet Game online tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay chị A đang làm việc tại Công ty TNHH Đăng Quang Phát, địa chỉ số ….., X, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, công việc ổn định với mức lương bình quân 7.200.000đồng/tháng. Cháu Trương Minh L tuổi còn nhỏ, cần được sự chăm sóc của người mẹ và từ thời điểm tháng 10/2019 trở về trước, cháu L sống cùng với chị A và học tập tại thành phố Hồ Chí Minh ổn định. Hơn nữa với mức thu nhập hàng tháng của chị A cũng đảm bảo cho việc chăm sóc cháu L. Do vậy giao con chung là cháu Trương Minh L cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là đảm bảo quyền lợi của cháu. Chị A không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- *Về tài sản chung:* Chị A, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về công nợ chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T cho rằng vợ chồng có khoản nợ chung của cửa hàng vật liệu xây dựng Q số tiền 24.288.000 đồng và yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên chị A không thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng mà là nợ riêng của chị A, có xác nhận của Công ty TNHH Q xác nhận anh T không liên quan đến khoản nợ 24.288.000 đồng tiền vật liệu xây dựng. Chị A không yêu cầu anh T có trách nhiệm đối với khoản nợ này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Tống Thị Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 55; 81; 82 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tống Thị Ngọc A và anh Trương Đoàn Minh T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Minh L, sinh ngày 02/3/2015 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi)

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị A, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do không có nợ chung.

Về án phí: Chị Tống Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0014419 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- THADS huyện Krông Búk;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Anh Thái